TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2018
V/v: Ly hôn, T/c nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Thị Nguyệt
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Phạm Văn Tiến ;
2. Bà Nguyễn Thị Thưởng ;
- ***Thư ký phiên tòa**:* Bà Trần Thị Thu Phương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

***Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân** thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2017/ TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm 1985 (có mặt)
ĐKHKTT: Đường D, phường N, thành phố T.
Nơi ở hiện nay: xã H, thành phố T.

Bị đơn: Anh Lê Tiến D - Sinh năm 1979(vắng mặt)
Địa chỉ: Đường D, phường N, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Lê Tiến D kết hôn với nhau vào tháng 12 năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D chơi bời, lao vào con đường nghiện ngập, không có trách nhiệm với vợ con, trong cuộc sống hay bất đồng và thường xuyên cãi vã nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2015, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con: Anh chị có 01 con chung là Lê Tiến S sinh ngày 31/8/2008. Ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tiến D đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh D đến Tòa làm bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng anh D không đến Tòa để làm việc theo triệu tập của Tòa vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai và Hòa giải được.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng không đến phiên Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án (*Thẩm tra viên giúp việc cho thẩm phán)* đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, người liên quan; thực hiện xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng thực hiện đúng quy định; chấp hành đúng quy định của BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử .

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa**:** tại phiên tòa hôm nay HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm

* Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong qua trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử :

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp cũng như tư cách của những người tham gia tố tụng, các chứng cứ thu thập , thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu trong hạn luật định, Tống đạt các văn bản cho VKS cũng như người tham gia tố tụng đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm, nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng XX.

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã nộp yêu cầu khởi kiện, cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án, tham gia phiên tòa và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điêù 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Bị đơn có mặt tại địa phương, nhưng khôngchấp hành các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, không đến Tòa án để làm việc, không có tự khai, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do , không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại điêù 70, 72 BLTTDS. Tuy nhiên căn cứ điều 227 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung vụ án : Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được, Viện kiểm sát thấy rằng: Xét về hôn nhân: Chị H và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND phường N, xác định là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình sinh sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do anh D không tu chí làm ăn, chơi bời. Mặc dù đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng anh chị vẫn không hòa thuận. Năm 2015, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Naychị H xin ly hôn anh D, nhận thấy anh chị không còn tình

cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H.

Xét về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lê Tiến S, sinh 31/8/2008, hiện đang sinh sống cùng chị H. Chị H xin được nuôi con, không yêu cầu anh D đóng góp. Cháu S có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị H hiện đang là công nhân, có thu nhập. Chính quyền địa phương đã xác nhận, anh D không tu chí làm ăn, thường hay đi lang thang. Xét thấy việc giao cháu S cho chị H nuôi là phù hợp với nguyện vọng của cháu cũng như đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu S. Chấp nhận đề nghị của chị H về việc không yêu cầu anh D đóng góp nuôi con chung

Về tài sản và công nợ: Anh chị không yêu cầu giải quyết, do đó không xét.

Căn cứ: Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị H

Chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Lê Tiến S cho chị H nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết qủa tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Tiến D đã được Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá triệu tập hợp lệ nhưng anh D không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Tại phiên Tòa anh D đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do . Do vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt đối với anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Tiến D kết hôn với nhau vào tháng 12 năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T là hôn nhân hợp pháp .

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D nghiện ngập rượu chè, không có trách nhiệm với vợ con, trong cuộc sống hay bất đồng và thường xuyên cãi vã nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2015 hai bên đã sống ly thân. Điều này đã được thể hiện qua lời

khai của chị H, lời khai ông Lê Văn Quang (bố đẻ anh D) và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú (BL: 09;19;31; 32). Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn cuả chị H, anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Tiến D.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Tiến S sinh ngày 31/8/2008. Ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy lâu nay cháu S ở với chị H, chị H có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập, anh D nghiện ngập công ăn việc làm không ổn định và không có thu nhập, nguyện vọng của cháu S mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu S HĐXX căn cứ vào Điều 82;83 Luật hôn nhân gia đình, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tiến S. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là ý chí tự nguyện nên chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí*:* Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, anh D không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56; 81;82;83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1.Về hôn nhân*:* Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Tiến D

2.Về con: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tiến S sinh ngày 31/8/2008, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí*:* Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: A

A/2016/0005282 ngày 02/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án/.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- Chi cục THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nguyệt